TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI
Bản án số: 01/2020/DSST
Ngày 27 - 02 - 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Đính;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia, ông Trịnh Ngọc Thành.
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Xuân Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.
Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân *huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Văn Luật là Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 260/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2019, về "Tranh chấp đòi lại tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:
- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Kim X, sinh năm …
- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm …
Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Ngô Thị P, sinh năm …; cùng địa chỉ tại tổ 5, ấp 1, xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án*:
1. Ông Lê Đình C, sinh năm …
2. Ông Lê Bảo Ph, sinh năm …
Người đại diện theo ủy quyền của ông Ph là bà Trần Thị Kim X
Bà X, ông C và ông Ph cùng nơi cư trú tại tổ 3, ấp 3, xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.
(Bà X và ông C có mặt tại phiên tòa, người tham gia tố tụng còn lại vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Các đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim X và ý kiến của bà trình bày tại phiên tòa như sau*:
Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn Nguyễn Thị Kim L phải có trách nhiệm trả lại tài sản là 05 chỉ vàng 24kara và 04 chỉ vàng 18kara được tính thành tiền là 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng) đối với nguyên đơn.
Lý do khởi kiện: Vào ngày 02 tháng 6 năm 2019 (nhằm ngày 29 tháng 4 năm 2019 âm lịch) nguyên đơn tặng cho bị đơn Nguyễn Thị Kim L 09 chỉ vàng trên trong ngày tổ chức lễ cưới (lễ thành hôn) của con là ông Lê Bảo Ph với Nguyễn Thị Kim L
Nguyên đơn tặng cho tài sản để vợ chồng bà L và Ph làm vốn có tài sản sử dụng sau khi thành vợ chồng.

Hợp đồng tặng cho tài sản giữa nguyên đơn với bà L không làm văn bản và cũng không có thỏa thuận là bà L phải có trách nhiệm trả lại 09 chỉ vàng đã tặng cho trong sau ngày tổ chức lễ thành hôn của ông Ph và bà L

Trong năm 2019 Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, giữa bà Nguyễn Thị Kim L và ông Lê Bảo Ph thì ông Ph trình bày ý kiến là bà L còn quản lý 05 chỉ vàng 24kara là tài sản chung của ông Ph và bà L có trong thời kỳ hôn nhân là đúng.

Nay bà Nguyễn Thị Kim L quyết định ly hôn ông Lê Bảo Ph thì bà L phải có trách nhiệm trả lại tài sản là 09 chỉ vàng bằng 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng) đối với nguyên đơn. Đây là tài sản thuộc quyền sở hữu riêng của nguyên đơn không có liên quan đến ông Lê Đình C

** Bà Trần Thị Kim X là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Bảo Ph trình bày ý kiến*:

Ông Lê Bảo Ph đồng ý với bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 82/2019/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai giải quyết: Bà L và ông Ph được ly hôn, quyền khởi kiện của các đương sự về tài sản chung của vợ chồng.

** Ông Lê Đình C trình bày ý kiến*:

Qua ý kiến trình bày của nguyên đơn Trần Thị Kim X và ý kiến trình bày của người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Bảo Ph thì đương sự thống nhất với các ý kiến trình bày của ông Phi, nguyên đơn X

Tài sản có tranh chấp trong vụ án này là tài sản thuộc quyền sở hữu riêng của bà Trần Thị Kim X

** Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Ngô Thị P vắng mặt nhưng có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Hội đồng xét xử sơ thẩm để giải quyết vụ án, ý kiến của bên bị đơn như sau:*

Bị đơn Nguyễn Thị Kim L không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim X. Tài sản bà X tặng cho vợ chồng bị đơn (L, Ph) thì ông Ph quản lý sử dụng để mua cây sầu riêng giống trồng, làm chi phí chữa bệnh của ông Ph. Bà L và ông Ph không còn tài sản chung. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bên bị đơn theo quy định của nhà nước.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng theo quy định tại Điều 71, Điều 72, Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Bà X cho rằng có cho Ph, L vàng (ngày cưới) để làm của hồi môn quy ra tiền 28.000.000 đồng. Nhưng bà L trình bày: Gia đình Phi đã lấy hết vàng đầu tư vào rẫy, lo thuốc cho Ph bị bệnh. Bà X kiện đòi bà L trả lại 28.000.000 đồng là không có căn cứ pháp luật.

Áp dụng: Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH/14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim X về việc kiện đòi tài sản đối với bà Nguyễn Thị Kim L là 28.000.000 đồng.

Bà X phải nộp án phí tranh chấp dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Nguyễn Thị Kim L có nơi cư trú tại xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án: Đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim X yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị Kim L phải có trách nhiệm trả lại tài sản là 28.000.000 đồng đối với nguyên đơn. Đây là tranh chấp đòi lại tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về người tham gia tố tụng trong vụ án, việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án:

Bà Trần Thị Kim X là người khởi kiện, bà Nguyễn Thị Kim L là người bị kiện nên xác định bà X là nguyên đơn, bà L là bị đơn;

Ông Lê Đình C là chồng của bà X và ông Lê Bảo Ph là người cùng bà L được bà X tặng cho tài sản là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Xác định người tham gia tố tụng trong vụ án như trên là phù hợp với Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Ngô Thị P gửi đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bà. Kiểm sát viên và nguyên đơn, ông C đều đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bên bị đơn. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến, quyết định xét xử vụ án vắng mặt bà Ngô Thị P theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án:

* Ý kiến trình bày của bên bị đơn như trên, không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim X

* Ý kiến trình bày của ông Lê Đình C, ông Lê Bảo Ph trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là thống nhất ý kiến trình bày của bà Trần Thị Kim X về hợp đồng tặng cho tài sản đối với bà Nguyễn Thị Kim L

* Hội đồng xét xử xét yêu cầu khởi kiện, ý kiến trình bày của nguyên đơn:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh bị đơn Nguyễn Thị Kim L có hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn theo quy định tại Điều 186, điểm g khoản 4 Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà L, ông Ph và ông C đều thống nhất ý kiến là 09 chỉ vàng tặng cho bà L để làm vốn. Đây là chứng cứ chứng minh tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Kim L và ông Lê Bảo Ph ngay sau khi nhận tài sản được tặng cho trong thời kỳ hôn nhân của bà L và ông Ph theo quy định tại Điều 33 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đến nay bị đơn không có hành vi xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn.

Căn cứ nội dung hợp đồng tặng cho tài sản, ý kiến trình bày của các đương sự trong vụ án là chứng cứ chứng minh: Hợp đồng tặng cho tài sản giữa bà X với bà L là sự tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật và phong tục tập quán bình thường trong xã hội theo quy định tại các Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 7, khoản 1 Điều 8, Điều 158, Điều 457, khoản 1 Điều 458 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 6 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại Điều 458 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "Hợp đồng tặng cho động sản có hiệu lực kể từ thời điểm bên được tặng cho nhận tài sản, trừ trường hợp có thỏa thuận khác; đối với động sản mà luật có quy định đăng ký quyền sở hữu thì hợp đồng tặng cho có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký".

Căn cứ các chứng cứ của vụ án, quy định của pháp luật nêu trên; khi nghị án Hội đồng xét xử đã thảo luận, thống nhất ý kiến không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim X theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5]. Về chi phí tố tụng: Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim X, nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng giải quyết vụ án, cụ thể: Nguyên đơn phải chịu án phí án phí dân sự sơ thẩm là 1.400.000 đồng (28.000.000 đồng x 5%) theo quy định tại khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH/14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

* Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử bác (không chấp nhận yêu cầu khởi kiện) của nguyên đơn Trần Thị Kim X là phù hợp chứng cứ vụ án, quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 186, điểm g khoản 4 Điều 189, Điều 235, Điều 273, khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 229, điểm b khoản 2 Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 7, khoản 1 Điều 8, Điều 158, Điều 166, Điều 457, khoản 1 Điều 458, khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 6, Điều 33 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH/14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Thị Kim X, về việc yêu cầu bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim L phải trả lại tài sản là 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng).

2. Nguyên đơn bà Trần Thị Kim X phải chịu 1.400.000đ (một triệu, bốn trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 700.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 005944 ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai), bà Xuyến còn phải nộp tiếp 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Bà X, ông C và ông Ph có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với bà L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của luật./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Tân Phú, VKSND tỉnh Đồng Nai (2);
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu trữ cơ quan.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Kim Đính